

Số: 11/2022/QĐST-KDTM

C, ngày 12 tháng 12 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 02 tháng 12 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 29/2022/TLST-KDTM ngày 05 tháng 10 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Công ty A.

Địa chỉ: đường D, phường E, Quận R, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông S, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà P - Trưởng phòng thu hồi công nợ Công ty.

Bà Bình ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Y, sinh năm 2000; địa chỉ: đường D, phường E, Quận R, thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị đơn:* Công ty B.

Địa chỉ: đường V, phường X, thành phố C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Bà M, chức vụ Giám đốc Công ty.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Bà M, sinh năm 1975.

- Ông L, sinh năm 1974.

Cùng trú tại địa chỉ: đường T, phường Z, thành phố C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Công ty B có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty A theo Hợp đồng cho thuê tài chính số C200420702 ngày 11-5-2020 và Hợp đồng cho thuê tài chính số C200741702 ngày 06-8-2020 (tính đến ngày 02-12-2022) là 1.243.702.835đ (một tỷ, hai trăm bốn mươi ba triệu, bảy trăm lẻ hai nghìn, tám trăm ba mươi lăm đồng), trong đó: Nợ gốc là 926.193.627 đồng; nợ lãi tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng cho thuê tài chính (ngày 14-6-2021) là 179.648.743 đồng; nợ lãi chậm thanh toán tính đến ngày 02-12-2022 là 137.860.465 đồng, cụ thể:

- Đối với Hợp đồng cho thuê tài chính số C200420702 ngày 11-5-2020: Công ty B có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty A tổng số tiền 636.111.054 đồng, trong đó, nợ gốc là 473.956.127 đồng, nợ lãi tính đến ngày 14-6-2021 là 89.278.906 đồng; nợ lãi chậm thanh toán tính đến ngày 02-12-2022 là 72.876.021 đồng.

- Đối với Hợp đồng cho thuê tài chính số C200741702 ngày 06-8-2020: Công ty B có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty A tổng số tiền 607.591.781 đồng, trong đó, nợ gốc là 452.237.500 đồng, nợ lãi tính đến ngày 14-6-2021 là 90.369.837 đồng; nợ lãi chậm thanh toán tính đến ngày 02-12-2022 là 64.984.444 đồng.

Phương thức thanh toán: Công ty B có nghĩa vụ thanh toán số tiền trên theo lịch trình như sau:

- Từ tháng 12 năm 2022 đến tháng 03 năm 2023, mỗi tháng thanh toán ít nhất 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

- Từ tháng 04 năm 2023 đến tháng 12 năm 2023, mỗi tháng thanh toán ít nhất 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

- Từ tháng 01 năm 2024, mỗi tháng thanh toán ít nhất 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) cho đến khi trả hết số tiền còn nợ.

Kể từ ngày 03-12-2022, Công ty B phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh tính trên nợ gốc với mức lãi suất chậm thanh toán mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho thuê tài chính số C200420702 ngày 11-5-2020 và Hợp đồng cho thuê tài chính số C200741702 ngày 06-8-2020 cho đến khi trả hết nợ.

2.2. Trường hợp Công ty B thực hiện đúng và đầy đủ theo lịch trình thanh toán nêu trên, Công ty A đồng ý giảm cho Công ty B ít nhất số tiền 24.655.543đ (hai mươi bốn triệu, sáu trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm bốn mươi ba đồng).

2.3. Trường hợp Công ty B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo phương thức thanh toán nêu trên, Công ty B phải thanh toán ngay một lần toàn bộ số tiền còn nợ cho Công ty A vào ngày đầu tiên của tháng

ương lịch tiếp theo tháng dương lịch bị vi phạm nghĩa vụ thanh toán (nếu ngày đầu tiên của tháng dương lịch là ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ thì ngày làm việc liền sau sẽ là ngày thanh toán) và Công ty A sẽ không giảm cho Công ty B số tiền 24.655.543đ (hai mươi bốn triệu, sáu trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm bốn mươi ba đồng).

Trường hợp Công ty B không thanh toán được cho Công ty A ngay một lần toàn bộ số tiền còn nợ thì ông L và bà M có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Công ty A theo nội dung các Thư bảo lãnh đã ký cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền thuê còn nợ.

2.4. Sau khi Công ty B, ông L hoặc bà M hoàn thành nghĩa vụ thanh toán số tiền trên cho Công ty A, Công ty A sẽ hoàn trả phần tiền ký cược là 204.377.800đ (hai trăm lẻ bốn triệu, ba trăm bảy mươi bảy nghìn, tám trăm đồng) cho Công ty B.

2.5. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty B phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 24.655.543đ (hai mươi bốn triệu, sáu trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm bốn mươi ba đồng).

- Hoàn trả lại cho Công ty A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 25.300.000đ (hai mươi lăm triệu, ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003222 ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố C.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TP. C;
- Chi cục THADS TP. C;
- TAND tỉnh BR-VT;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Trần Thị Huê**